

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **05/2018/HSST**
Ngày 09-02-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Đăng Tô**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đinh Tuấn Đạt** - Phó Chủ tịch mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện Tân Phú.

Bà **Nguyễn Thị Nhung** - Phó Trưởng phòng Giáo dục và đào tạo huyện Tân Phú (nguyên là giáo viên).

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lý Thị Chuyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Hiền** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 91/2017/HSST ngày 18 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/HSST-QĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018, đối với bị cáo:

Dương Văn L – sinh ngày 01/12/2000 tại tỉnh B Thuận (tính đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 05 ngày); nơi cư trú: Tổ 1, Thôn 1, xã Mê P, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Ngh – sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị Ng – sinh năm 1976; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có hai anh em; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh B Thuận trong vụ án khác từ ngày 21/11/2017. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

Ông **Dương Ngh** – sinh năm 1970 là cha ruột bị cáo (vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị Ng** – sinh năm 1976 là mẹ ruột bị cáo (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 1, Thôn 1, xã Mê P, huyện Đ L, tỉnh B Thuận.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Ông **Đào Duy Th** – Luật sư của Văn phòng luật sư Đào Duy Th thuộc Đoàn luật sư tỉnh Đồng Nai. (có mặt)

- *Người bị hại:*

1. Anh **Lê Quốc B** (tên gọi khác: Tr) – sinh năm 1995; Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 1, xã Sông L, huyện B, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Văn T** – sinh năm 1983; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Ô M, xã Hưng Đ, huyện T K, tỉnh Hải Dương; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 131, đường Trần Ph, Tổ dân phố 7, thị trấn M, huyện Đạ H, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Bà **Nguyễn Thị B** – sinh năm 1959; Địa chỉ: Tổ 1, Thôn 1, xã Mê P, huyện L, tỉnh Bình Thuận (vắng mặt).

2. Anh **Nguyễn Hoài Th** – sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà 19/21, đường số 02, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

3. Chị **Nguyễn Thị Ni** – sinh năm 1990; Địa chỉ: Ấp 3, xã Ph L, huyện P, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Dương Văn L quen biết với anh Lê Quốc B (tên gọi khác là Tr) do trước đây L và anh B cùng làm thuê chung ở quán dê Thảo Nguyên, địa điểm kinh doanh tại Khu 10, thị trấn T, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

Vào tối ngày 04/12/2016, L đón xe khách từ chợ Mê Pu, thuộc xã Mê P, huyện L, tỉnh Bình Thuận đến quán dê Thảo Nguyên, với mục đích trộm xe mô tô của anh B. Đến khoảng 02 giờ sáng ngày 05/12/2016, L đi bộ đến đầu quán thấy cổng trước của quán không đóng nên L đi vào trong quán. Tại đây, L quan sát thấy xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, biển kiểm soát 86B2-056.13 của anh Lê Quốc B nên dắt xe ra khỏi phòng khách, khi dắt xe ra đến hiên trước cửa phòng khách L thấy có nhiều thùng bia nên L lấy 02 (hai) thùng Heniken bỏ lên xe, khi dắt xe ra đến ngoài cổng thì L làm rơi một thùng bia, L dọn thùng bia bị rơi vào và tiếp tục dắt xe ra đến ngoài đường rồi lấy chìa khóa đã chuẩn bị trước để mở khóa xe và điều khiển xe về nhà ở Thôn 1, xã Mê P, huyện Đ L, tỉnh Bình Thuận. Đến 09 giờ 00 phút cùng ngày, L điều khiển xe mô tô đã trộm được chở theo thùng bia xuống tỉnh Bình Dương, trên đường đi L ghé vào tiệm tạp hóa bán thùng bia Heniken được 270.000đ, đến tỉnh Bình Dương, L điều khiển xe mô tô đến tiệm sửa xe thay một số bộ phận của xe như phuộc, cặp yếm phía trước, thắng đĩa trước xe.

Ngày 07/12/2016, L kể lại toàn bộ sự việc cho anh Nguyễn Hoài Th (là cậu ruột) nghe, anh Th yêu cầu L đưa xe mô tô gửi về cho bà Nguyễn Thị Ng là mẹ ruột của L để trả cho anh B, đến ngày 11/12/2016, anh B đã nhận lại được xe mô tô biển kiểm soát 86B-056.13.

Sau khi sự việc xảy ra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã nhiều lần mời Dương Văn L lên làm việc nhưng L bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 02/10/2017, Dương Văn L đến trình diện tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại Kết luận định giá số: 66/KL.HĐĐGTS ngày 22/12/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận về giá trị tài sản 01 xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu Yamaha Sirius là: 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại Kết luận định giá số: 75/KL.HĐĐGTS ngày 06/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Tân Phú kết luận về giá trị tài sản 02 thùng bia nhãn hiệu Heniken sản xuất tại Việt Nam là: 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng).

Quá trình điều tra, người bị hại anh Lê Quốc B thừa nhận đã nhận lại tài sản xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, biển kiểm soát 86B2-056.13, không có yêu cầu gì khác. Về trách nhiệm hình sự, anh B đề nghị xem xét theo quy định của pháp luật.

Người bị hại Nguyễn Văn T thừa nhận, đã nhận lại 01 thùng bia nhãn hiệu Heniken (để lại trước cửa quán), đối với tài sản thiệt hại là 01 thùng bia còn lại, anh Tùng xác định do tài sản thiệt hại không lớn, gia đình bị cáo cũng đã thay mặt bị cáo có lời xin lỗi anh nên anh không yêu cầu bồi thường thiệt hại, bãi nại về dân sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bản Cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 18 tháng 12 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, truy tố bị cáo về tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát huyện Tân Phú giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội: “Trộm cắp tài sản”;

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 91 Bộ luật Hình sự năm 2015; đề nghị xử phạt bị cáo mức án từ 06 (sáu) đến 08 (tám) tháng tù; về trách nhiệm dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản thiệt hại, không yêu cầu bị cáo bồi thường và bãi nại về dân sự cho bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Về tội danh đối với bị cáo, người bào chữa thống nhất quan điểm, bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, tại thời điểm phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên, vừa mới bước sang tuổi mười sáu, suy nghĩ chưa chín chắn; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Tại phiên tòa, bị cáo đã nhận thức được lỗi lầm và thực sự ăn năn hối cải; tài sản đã được trao trả cho người bị hại, một trong những người bị hại đã bãi nại về dân sự cho bị cáo. Vì vậy, người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt đến mức thấp nhất của khung hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng như sau: Bị cáo ân hận về hành vi của mình, bị cáo còn trẻ nên suy nghĩ nông cạn. Vì vậy, bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo, người bị hại, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2016; Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) so với Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định về tội “Trộm cắp tài sản” và các quy định khác liên quan đến việc quyết định hình phạt đối với bị cáo không có tình tiết nào có L cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội, áp dụng Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để xét xử bị cáo.

[2] Về tội danh và khung hình phạt:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Do trước đó có làm thuê tại quán dê Thảo Nguyên, biết anh Lê Quốc B thường để xe mô tô tại quán, cửa quán thường xuyên không đóng, L dụng đêm khuya bị cáo đã lén lút chiếm đoạt tài sản là xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ, biển kiểm soát 86B2-056.13 của anh B, trị giá xe 10.500.000đ (Mười triệu năm trăm nghìn đồng); trong lúc đưa tài sản ra khỏi vị trí quản lý của chủ sở hữu, bị cáo còn chiếm đoạt 02 (hai) thùng bia nhãn hiệu Heniken sản xuất tại Việt Nam, trị giá 740.000đ (Bảy trăm bốn mươi nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn T.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người đúng tội.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương. Do đó, cần có mức

hình phạt đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tại phiên tòa và trong quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự khắc phục hậu quả; tài sản thiệt hại đã được trao trả cho người bị hại, một trong những người bị hại đã bãi nại về dân sự cho bị cáo; bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, cha mẹ bị cáo đã ly hôn, bị cáo từ nhỏ sống với mẹ, có phần thiếu sự chăm sóc, giáo dục của người cha, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại các điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[5] Về căn cứ quyết định hình phạt: Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo 16 tuổi 05 ngày, là người chưa thành niên phạm tội. Do đó, cần áp dụng Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt mà khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 quy định.

Xét thấy, mức hình phạt theo đề xuất của vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nên có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, xét cần giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bởi lẽ bị cáo là người chưa thành niên phạm tội nên cần áp dụng nguyên tắc xử lý theo quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự 1999: *“Việc xử lý người chưa thành niên phạm tội chủ yếu nhằm giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh và trở thành công dân có ích cho xã hội”*.

[6] Về ý kiến của người bào chữa đề nghị áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh đặc biệt của bị cáo để cân nhắc mức hình phạt là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại anh Lê Quốc B đã nhận lại tài sản là xe mô tô Yamaha Sirius màu đỏ, biển kiểm soát 86B2-056.13, không yêu cầu bồi thường thiệt hại; người bị hại Nguyễn Văn T đã nhận lại 01 thùng bia nhãn hiệu Heniken sản xuất tại Việt Nam (bị rơi lại), 01 thùng bia còn lại anh T không yêu cầu bị cáo bồi thường và bãi nại trách nhiệm dân sự cho bị cáo. Những người bị hại vắng mặt tại phiên tòa, trường hợp có yêu cầu bồi thường thiệt hại thì anh T, anh B có quyền khởi kiện bằng một vụ án dân sự khác.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cần buộc bị cáo nộp 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Dương Văn L** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 69; khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Dương Văn L **04 (bốn) tháng tù**. Thời hạn tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Dương Văn L phải nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị cáo (bà Nga), người bào chữa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; ông Nghĩ, anh Tùng, anh B được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Các bị cáo; người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đăng Tổ